

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **126** /ĐHH-KHTCCSVC
V/v thẩm định dự toán kế hoạch
tài chính năm 2020

Thừa Thiên Huế, ngày **07** tháng **02** năm 2020

Kính gửi: Các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc Đại học Huế

Thực hiện quy định của Luật Ngân sách nhà nước, để có cơ sở phê duyệt dự toán thu chi năm 2020 của các đơn vị đồng thời định hướng công tác tài chính năm 2020 theo đúng chủ trương và kế hoạch, Đại học Huế triển khai tổ chức thẩm định dự toán kế hoạch tài chính năm 2020 của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc.

Nội dung thẩm định:

- Báo cáo số liệu dự toán kế hoạch thu chi tài chính năm 2020 (gồm NSNN và tất cả các nguồn phí, lệ phí, khoa học công nghệ, dịch vụ, sự nghiệp khác);
- Các căn cứ, tiêu chí xây dựng kế hoạch dự toán (có thuyết minh cụ thể);
- Nội dung và kế hoạch cụ thể thực hiện các hoạt động: mua sắm tài sản, trang thiết bị; sửa chữa, xây dựng cơ bản; hoạt động khoa học và công nghệ năm 2020.

Thời gian thẩm định: Từ ngày 13/02/2020 đến ngày 20/02/2020 (*Chi tiết theo phụ lục đính kèm và lịch công tác của Đại học Huế*).

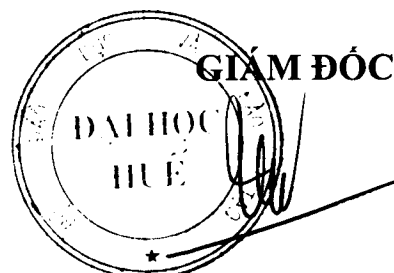
Địa điểm: Phòng họp I.7, Số 01 Điện Biên Phủ, TP. Huế.

Để công tác thẩm định đạt hiệu quả và đúng quy định, yêu cầu các đơn vị chuẩn bị đầy đủ các báo cáo, biểu mẫu và thuyết minh cụ thể (theo mẫu đính kèm) và gửi về Đại học Huế (qua Ban Kế hoạch, Tài chính và Cơ sở vật chất) trước ngày 13/02/2020.

Đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTCCSVC.NQL.



Nguyễn Quang Linh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LỊCH THĂM TRA DỰ TOÁN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2020
(Kèm theo Công văn số: ~~127~~ /ĐHH-KHTCCSVC ngày ~~07~~ tháng ~~02~~ năm 2020
của Giám đốc ĐH Huế)

Stt	Đơn vị	Thời gian	Ghi chú
1	Viện Tài nguyên và Môi trường	8 giờ 00, ngày 13/02/2020	
2	Viện Công nghệ Sinh học	9 giờ 30, ngày 13/02/2020	
3	Trung tâm GDQP và An ninh	14 giờ 00, ngày 13/02/2020	
4	Trung tâm Phục vụ sinh viên	15 giờ 30, ngày 13/02/2020	
5	Nhà xuất bản Đại học Huế	8 giờ 00, ngày 14/02/2020	
6	Phân hiệu ĐH Huế tại Quảng Trị	9 giờ 30, ngày 14/02/2020	
7	Trường ĐH Nghệ thuật	14 giờ 00, ngày 17/02/2020	
8	Trường ĐH Sư phạm	15 giờ 30, ngày 17/02/2020	
9	Trường ĐH Luật	08 giờ 00, ngày 18/02/2020	
10	Trường ĐH Kinh tế	9 giờ 30, ngày 18/02/2020	
11	Trường ĐH Ngoại ngữ	14 giờ 00, ngày 18/02/2020	
12	Trường ĐH Nông Lâm	15 giờ 30, ngày 18/02/2020	
13	Trường ĐH Y Dược (bao gồm Bệnh viện Trường ĐHYD Huế)	08 giờ 00, ngày 19/02/2020	
14	Trường ĐH Khoa học	09 giờ 30, ngày 19/02/2020	
15	Viện Đào tạo mở và CNTT	14 giờ 00, ngày 19/02/2020	
	(Bao gồm các đơn vị cũ: Trung tâm GD Thường xuyên; Trung tâm Học liệu; Trung tâm Công nghệ thông tin)		
16	Cơ quan Đại học Huế	8 giờ 00, ngày 20/02/2020	
	(Bao gồm các đơn vị: Văn phòng, Khoa Du lịch; Khoa Giáo dục thể chất; Khoa Kỹ thuật và Công nghệ; Khoa Giáo dục Quốc tế (gồm TT Giáo dục quốc tế))		

Actual

BIÊN BẢN
THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2020

Đơn vị được thẩm định:
Mã chương: 022

Hôm nay, vào lúc giờ ngày tháng năm 2020 tại Phòng họp I.7 số 4 Lê Lợi TP Huế, chúng tôi gồm có:

A. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH: ĐẠI HỌC HUẾ

1. Ông : Chức vụ: Giám đốc
2. Ông : Chức vụ: Trưởng ban KH-TC
3. Ông : Chức vụ: Trưởng Ban KHCN&MT
- 4 Ông : Chức vụ: Trưởng Ban CSVC
- 5 Ông : Chức vụ: Phó Trưởng Ban KHTC
- 6 Ông : Chức vụ: Phó Trưởng Ban KHTC
- 7 Ông : Chức vụ: Chuyên viên Ban KHTC

B. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ DỰ TOÁN ĐƯỢC THẨM ĐỊNH:

1. Ông: Chức vụ: Hiệu trưởng
2. Ông: Chức vụ: Kế toán trưởng
3. Ông: Chức vụ: Trưởng phòng KHTC
4. Ông: Chức vụ: Trưởng phòng TCHC
5. Ông: Chức vụ: Trưởng phòng KHCN

Tiến hành thẩm định dự toán thu, chi ngân sách năm 2020.

Căn cứ vào số liệu Dự toán chi tiết kế hoạch tài chính và báo cáo thuyết minh dự toán năm 2020, chúng tôi đã tiến hành thẩm định số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 của đơn vị và cùng thống nhất như sau:

I. CÁC SỐ LIỆU CƠ BẢN

1. Số lượng CBVC, LD năm 2020: người, trong đó:
 - Biên chế:
 - LĐLĐ:
2. Học viên, sinh viên người, trong đó:
 - Nghiên cứu sinh:

- Thạc sĩ :
- Đại học chính quy:
- Đại học không chính quy:

II. DỰ TOÁN NGUỒN THU

ĐVT: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH GIAO			DỰ TOÁN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		Tổng số	Giao đầu năm	Bổ sung		
I	TỔNG SỐ THU					
1	Ngân sách nhà nước					
	Chi thường xuyên - Đào tạo ĐH, CĐ - Sau đại học					Trong đó: tiết kiệm 10% để chi lương:
	Chi không thường xuyên - KHCN - Môi trường - Chương trình, Dự án					
2	Thu phí, lệ phí					
3	Thu sự nghiệp khác					
4	Thu hoạt động dịch vụ					
	<i>Trong đó: Thu từ hoạt động KHCN</i>					

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

III. DỰ TOÁN CHI

ĐVT: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ
			NSNN	PHÍ, THU SỰ NGHIỆP	
I	DỰ TOÁN CHI NSNN				
1	Giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí thường xuyên				
	Đào tạo ĐH-CĐ (070-081)				
	- Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân				

IV. CHI ĐIỀU HÀNH

ĐVT: 1.000 đồng

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH GIAO	Trong đó		GHI CHÚ
			NSNN	HỌC PHÍ	
1	Điều hành học phí nhiệm vụ chung				
2	Điều hành học phí nhiệm vụ khoa học công nghệ				
3	Điều hành vốn đối ứng XD CB				
	- Xây dựng cơ bản				

V. KẾ HOẠCH SỬA CHỮA, XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2020

VI. Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

1. Các ý kiến đề nghị của đơn vị:
2. Các ý kiến của Đại học Huế:

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản kèm theo thuyết minh dự toán và có giá trị pháp lý như nhau./.

**GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC HUẾ**

HIỆU TRƯỞNG

	- Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hoá, dịch vụ				
	- Tiểu nhóm 0131: Các khoản chi viện trợ				
	- Tiểu nhóm 0132: Các khoản chi khác				
	Trong đó trích lập quỹ				
	+Quỹ khen thưởng				
	+ Quỹ phúc lợi				
	+Quỹ ổn định thu nhập				
	+ Quỹ Phát triển HDSN				
	<i>Đào tạo SDH (070-082)</i>				
	- Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân				
	- Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hoá, dịch vụ				
	- Tiểu nhóm 0131: Các khoản chi viện trợ				
	- Tiểu nhóm 0132: Các khoản chi khác				
1.3	<i>Kinh phí thường xuyên</i>				
	<i>Đào tạo DH-CD (070-081)</i>				
	- Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hoá, dịch vụ				
2	Nghiên cứu khoa học (100-101)				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN				
	MNNS : 0216				
	- Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hoá, dịch vụ				
3	Bảo vệ môi trường				
	- Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hoá, dịch vụ				

(Chi tiết các mục chi theo phụ lục kèm)

ĐẠI HỌC HUẾ
 ĐƠN VỊ:

Biểu 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2020

Căn cứ Quyết định số: /QĐ-BGDDT, ngày /12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nghị quyết Hội đồng Đại học Huế về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, Đơn vị lập dự toán thu - chi ngân sách năm 2020 như sau:

Đơn vị:

Mã số ĐVSDNS:

I. Dự toán được sử dụng:

TT	Nội dung dự toán	Số tiền
1	Dự toán năm 2019 chuyển sang năm 2020	
2	Dự toán được cấp trong năm 2020 + Nguồn KP.	
3	Tổng dự toán được sử dụng trong năm 2020	

II. Dự toán chi NSNN:

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra các quý			
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
A	KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN					
1	Loại 070-081 (Đào tạo ĐH-CD)					
	MNNS: 13					
1,1	M 6000: Tiền lương					
1,2	M 6050: Tiền công					
1,3	M 6100: Phụ cấp lương					
1,4	M 6200 Tiền thưởng					
1,5	M 6250: Phúc lợi tập thể					
1,6	M 6300: Các khoản đóng góp					
1,7	M 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân					
1,8	M 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng					
1,9	M 6550: Vật tư văn phòng					
1,10	M 6600: Thông tin tuyên truyền, liên lạc					
1,11	M 6650: Hội nghị					
1,12	M 6700: Công tác phí					
1,13	M 6750: Chi phí thuê mướn					
1,14	M 6800: Chi đoàn ra					
1,15	M 6850: Chi đoàn vào					
1,16	M 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác					
1,16	M 6950: Mua sắm tài sản công tác chuyên môn					
1,17	M 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành					
1,18	M 7050: Mua sắm tài sản vô hình					
1,18	M 7750: Chi khác					

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra các quý			
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
1,19	M 7850: Chi cho công tác đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp					
1,19	M 7900: Chi cho các sự kiện lớn					
1,20	M 7950: Chi lập quỹ của các đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị SN có thu theo chế độ quy định					
1,21	M 8000: Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm					
2	Loại 070-081 (Đào tạo Sau đại học)	-	-	-	-	-
	MNNS: 13					
2,1	M 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng					
2,2	M 6550: Vật tư văn phòng					
2,3	M 6600: Thông tin tuyên truyền, liên lạc					
2,4	M 6650: Hội nghị					
2,5	M 6700: Công tác phí					
2,6	M 6750: Chi phí thuê mướn					
2,7	M 6800: Chi đoàn ra					
2,8	M 6850: Chi đoàn vào					
2,9	M 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác					
2,10	M 6950: Mua sắm tài sản công tác chuyên môn					
2,11	M 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành					
2,12	M 7050: Mua sắm tài sản vô hình					
2,13	M 7750: Chi khác					
B	KINH PHÍ CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	-	-	-	-	-
1	Loại 070-081: Vốn đối ứng trong nước (ODA); MNNS: 12	-				
1,1						
1,2						
2	Loại 070-081: Vốn vay nợ nước ngoài (ODA); MNNS: 12	-				
2,1						
2,2						
3	Loại 100-101 (Khoa học và Công nghệ); MNNS: 12	-	-	-	-	-
3,1	M 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành					
3,2						
	TỔNG CỘNG (A+B)	-	-	-	-	-

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2020

DUYỆT CỦA
GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Quang Linh

DỰ TOÁN THU, CHI PHÍ, LỆ PHÍ, THU DỊCH VỤ VÀ SỰ NGHIỆP KHÁC NĂM 2020

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng đại học Huế về dự toán ngân sách năm 2020, Đơn vị:

..... Lập dự toán thu - chi tài chính năm 2020 như sau:

Đơn vị:

Mã số ĐVSDNS:

I. Dự toán được sử dụng:

TT	Nội dung	ĐVT: triệu đồng	
		Số tiền	
1	Dự toán năm 2019 chuyển sang:		
2	Dự toán thu trong năm 2020:		
	Học phí		
	Thu HĐ dịch vụ		
	Thu sự nghiệp khác		
3	Tổng dự toán được sử dụng trong năm 2020 (1+2)		

II. Dự toán chi từ nguồn thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp khác năm 2020:

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra			
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
I	Dự toán chi từ hoạt động đào tạo (học phí)	-	-	-	-	-
	M 6000: Tiền lương					
	M 6050: Tiền công					
	M 6100: Phụ cấp lương					
	M 6200 Tiền thưởng					
	M 6250: Phúc lợi tập thể					
	M 6300: Các khoản đóng góp					
	M 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân					
	M 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng					
	M 6550: Vật tư văn phòng					
	M 6600: Thông tin tuyên truyền, liên lạc					
	M 6650: Hội nghị					
	M 6700: Công tác phí					
	M 6750: Chi phí thuê mướn					
	M 6800: Chi đoàn ra					
	M 6850: Chi đoàn vào					
	M 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác					
	M 6950: Mua sắm tài sản công tác chuyên môn					
	M 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của ngành					
	M 7050: Mua sắm tài sản vô hình					
	M 7750: Chi khác					
	M 7850: Chi cho công tác đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp					
	M 7900: Chi cho các sự kiện lớn					

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra			
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
	M 7950: Chi lập quỹ của các đơn vị thực hiện khoản chi và đơn vị SN có thu theo chế độ quy định					
	Chi nộp cấp trên (vốn đối ứng XDDB)					
	Chi nộp cấp trên (điều tiết HP nhiệm vụ chung)					
	Chi nộp cấp trên (điều tiết KHCN cấp ĐHH)					
II	Dự toán chi từ nguồn thu sự nghiệp khác					
III	Dự toán chi từ nguồn thu dịch vụ					
	TỔNG CỘNG (I+II)	-	-	-	-	-

**DUYỆT CỦA
GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ**

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm 2020
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Quang Linh

KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Kế toán

Kế toán trưởng

Huế, ngày tháng năm 2020
Giám đốc

DỰ TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2020

- Kinh phí nộp điều tiết KHCN cấp ĐH Huế (3%)**

- Trích 2% cho NCKH cấp cơ sở**

- Trích 3% cho người học**

- +
- Cho NCKH*

- + Cho đầu tư tiềm lực KHCN cho người học

[illegible]

DUYỆT GIÁM ĐỐC ĐH HUẾ

HIỆU TRƯỞNG

THUYẾT MINH
BÁO CÁO TÌNH HÌNH DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2020

Đơn vị:.....

1. Căn cứ xây dựng dự toán:

- Căn cứ quy định của Luật ngân sách, các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật và các văn bản quy định chế độ tài chính hiện hành của nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số /QĐ-BGDĐT ngày của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán NSNN năm 200;
- Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ của Đại học Huế và Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.....;
- Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ được giao của năm 2020 và đề xuất kế hoạch nhiệm vụ của đơn vị;

2. Nguyên tắc xây dựng:

- Đảm bảo cân đối thu chi tài chính năm, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn lực tài chính, tuân thủ các định mức chi theo quy định của nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, phát huy tối đa lợi thế của đơn vị để tăng thu, phấn đấu có tích lũy;
- Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ chính trị và kế hoạch chủ trương lớn trong năm đã được thông qua;
- Đảm bảo chế độ cho người lao động, sử dụng lao động hợp lý hiệu quả, nâng cao năng suất lao động.

I. CÁC SỐ LIỆU CƠ BẢN

1. Cán bộ viên chức và hợp đồng lao động đến ngày 01/01/2020: người

Chia ra:

- | | |
|----------------------|-------------|
| + Cán bộ viên chức: | người |
| + Hợp đồng lao động: | người |
| + Hợp đồng khác: | người |

2. Về tiền lương: Tổng quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 là: tr.đ,

Chia ra:

- | | |
|----------------------------------|------------|
| + Lương theo ngạch bậc: | tr.đ |
| + Các khoản đóng góp theo lương: | tr.đ |
| + Thu nhập tăng thêm: | trđ |

II. DỰ TOÁN NGUỒN THU

DVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH GIAO			DỰ TOÁN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		Tổng số	Giao đầu năm	Bổ sung		
I	TỔNG SỐ THU					
1	Ngân sách nhà nước					
	1.1 Chi thường xuyên - Đào tạo ĐH, CĐ - Sau đại học					
	1.2 Chi không thường xuyên - Khoa học công nghệ - Môi trường - Chương trình, Dự án + ODA (trong nước) + ODA (nước ngoài)					
2	Thu phí, lệ phí: 2.1 Thu lệ phí 2.2 Thu phí - Điều hành học phí - Điều hành KHCN					
3	Dự án và thu sự nghiệp khác					

III. TÌNH HÌNH TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG, KHO BẠC VÀ CÁC QUỸ ĐÉN NGÀY 31/12/2019

1) Tình hình tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng và kho bạc đến ngày 31/12/2019

STT	Tiền mặt và tiền gửi tại ngân hàng, kho bạc	Số dư 01/01/2019	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư 31/12/2019
A	B	1	2	3	4
1	Tiền mặt				
2	Tiền gửi Kho bạc				
2	Tiền gửi ngân hàng				
	TỔNG CỘNG				

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2) Tình hình các quỹ đến ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các quỹ	Số dư 01/01/2019	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số dư 31/12/2019
A	B	1	2	3	4
1	Quỹ khen thưởng				
2	Quỹ phúc lợi				
3	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập				
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp				
	TỔNG CỘNG				

IV. DỰ TOÁN CHI

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		GHI CHÚ
			NSNN	PHÍ, THU SỰ NGHIỆP	
I	DỰ TOÁN CHI NSNN				
1	Giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
1.1	Kinh phí thường xuyên				
	Đào tạo ĐH-CD (070-081)				
	- Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân				
	- Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hoá, dịch vụ				
	- Tiểu nhóm 0131: Các khoản chi hỗ trợ và bổ sung				
	- Tiểu nhóm 0700: Chi đầu tư phát triển				
	Đào tạo SDH (070-082)				
	- Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân				
	- Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hoá, dịch vụ				
	- Tiểu nhóm 0131: Các khoản chi hỗ trợ và bổ sung				

	- Tiểu nhóm 0700: Chi đầu tư phát triển				
1.2	Kinh phí không thường xuyên				
	Đào tạo ĐH-CD (070-081)				
	Tiểu nhóm 0700: Chi đầu tư phát triển				
2	Nghiên cứu khoa học (100-101)				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN MNNS : 16				
	- Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hoá, dịch vụ				
3	Bảo vệ môi trường				
	- Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hoá, dịch vụ				

(Chi tiết dự toán thu chi NSNN, thu chi hoạt động sự nghiệp và các bảng tính chi tiết khác kèm theo)

V. KẾ HOẠCH SỬA CHỮA, XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2020

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

Thành phố Huế, ngày tháng năm 2020
THỦ TRƯỞNG